

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT HUY ĐỘNG LỰC CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀO THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH QUỐC TẾ HIỆN NAY

✍ ThS Nguyễn Thị Huyền Trang
Học viện Chính trị Khu vực I

● **TÓM TẮT:** Tư tưởng Hồ Chí Minh về động lực của chủ nghĩa xã hội là một nội dung rất quan trọng, thể hiện trí tuệ mẫn tiệp, tầm nhìn vượt thời đại, và trên hết là tấm lòng luôn hướng về nhân dân, về đất nước. Bài viết phân tích những nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về động lực của chủ nghĩa xã hội, trên cơ sở đó nêu lên bối cảnh tình hình quốc tế và những vấn đề đặt ra đối với việc tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về động lực của chủ nghĩa xã hội vào thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế đất nước giai đoạn hiện nay.

● **Từ khóa:** Tư tưởng Hồ Chí Minh; động lực chủ nghĩa xã hội; bối cảnh quốc tế; mục tiêu phát triển kinh tế.

● **ABSTRACT:** Ho Chi Minh's thought on the driving force of socialism is a very important content, demonstrating a sharp intellect, a vision beyond the times, and above all, a heart that always turns towards the people and the country. The article analyzes the basic contents of Ho Chi Minh's thought on the driving force of socialism, on that basis, it raises the context of the international situation and the issues raised in continuing to apply Ho Chi Minh's thought on the driving force of socialism to the implementation of the country's economic development goals in the current period.

● **Keywords:** Ho Chi Minh's thought; driving force of socialism; international context; economic development goals.

Ngày nhận bài: 09/8/2024 - Ngày bình duyệt: 22/8/2024 - Ngày duyệt đăng: 26/8/2024

ĐẶT VẤN ĐỀ

Để hoàn thành tốt các mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, một điều quan trọng là phải nhận thức, phát hiện, sử dụng, phát huy tất cả các động lực của chủ nghĩa xã hội. Xuất phát từ yêu cầu của việc nhận thức, nghiên cứu, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội vào công cuộc đổi mới trong bối cảnh quốc tế hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã kế thừa, vận dụng tư tưởng của Hồ Chí Minh về động lực của chủ nghĩa xã

hội vào quá trình xây dựng, phát triển kinh tế đất nước.

1. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁT HUY ĐỘNG LỰC CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Theo Hồ Chí Minh, những động lực chính để xây dựng chủ nghĩa xã hội là: Đoàn kết, đồng thuận, lợi ích, công bằng, dân chủ, khoa học kỹ thuật... Những động lực này được biểu hiện trên cả phương diện vật chất và tinh thần; nội lực và ngoại lực. Muốn đạt

được mục tiêu trong xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, cần phải phát huy và kết hợp chặt chẽ, khéo léo các động lực.

Về động lực bên trong chính là nội lực để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hồ Chí Minh cho rằng, chủ nghĩa xã hội là công trình tập thể của quần chúng lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng; là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân tự xây dựng lấy. Bởi vậy, Người nêu rõ: “Ai xây dựng chủ nghĩa xã hội? Nói chung là những người lao động trong xã hội, gồm công nhân, nông dân, trí thức cách mạng, v.v...” [2;T12, tr.565]. Người khẳng định: “Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Mặt trận dân tộc thống nhất vẫn là một trong những lực lượng to lớn của cách mạng Việt Nam.... Chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ các tầng lớp nhân dân, động viên lực lượng của nhân dân để phấn đấu hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa... Phải đoàn kết các dân tộc anh em, cùng nhau xây dựng Tổ quốc” [2;T10, tr.605-606]. Như vậy, tư tưởng nhất quán của Hồ Chí Minh là ra sức phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc. Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội mới tăng cường được sức mạnh dân tộc, giữ vững độc lập dân tộc. Đoàn kết toàn dân tộc trong các hình thức Mặt trận dân tộc thống nhất không phải chỉ là chiến lược trong cách mạng dân tộc dân chủ mà còn là chiến lược xuyên suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong toàn bộ tiến trình cách mạng.

Người nhấn mạnh, con người là động lực quan trọng nhất của chủ nghĩa xã hội và nhận thấy sự kết hợp sức mạnh của mỗi cá nhân với xã hội. Người cho rằng, không có chế độ xã hội nào coi trọng lợi ích chính đáng của cá nhân con người bằng chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhưng Người luôn đặt lợi ích cá nhân trong mối quan hệ thống nhất với lợi ích của tập thể và lợi ích của xã hội. Người nói: “Lợi ích cá nhân là nằm trong lợi ích của tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể. Lợi ích chung của tập thể được bảo đảm thì lợi ích của cá nhân mới có điều kiện để được thỏa mãn” [2;T9, tr.219]. Do vậy, Người cho rằng, phải chăm lo phát triển tinh thần yêu nước của nhân dân, làm cho lòng yêu nước của mỗi người không cất giấu kín đáo trong

rừng, trong hòm mà phải được đem ra thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Bởi “*nhân dân ta sẵn có truyền thống tốt đẹp là lao động cần cù... lại có tinh thần yêu nước nồng nàn. Chúng ta cần phát huy truyền thống và tinh thần ấy*” [2;T8, tr.349]. trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Truyền thống yêu nước của dân tộc, sự đoàn kết cộng đồng, sức lao động sáng tạo của nhân dân, đó là sức mạnh tổng hợp tạo nên động lực quan trọng của chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới văn hóa, khoa học, giáo dục, coi đó là động lực tinh thần không thể thiếu của chủ nghĩa xã hội. Người nói: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì nhất định phải có học thức” [2;T10, tr.306]. “*Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đòi hỏi Đảng ta phải nắm vững khoa học và kỹ thuật, do đó mỗi đảng viên đều phải cố gắng học tập văn hóa, học tập khoa học và kỹ thuật*” [2;T10, tr.21]. Đồng thời, Người còn đặc biệt quan tâm giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về đạo đức cách mạng, coi đạo đức cách mạng là động lực tinh thần có tầm quan trọng hàng đầu, là cái gốc làm nên sức mạnh của cách mạng.

Những động lực nêu trên là nguồn lực tiềm tàng của sự phát triển. Làm thế nào để những khả năng, năng lực tiềm tàng đó trở thành sức mạnh và không ngừng phát triển. Hồ Chí Minh nhận thấy sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của chủ nghĩa xã hội. Đây là hạt nhân hệ động lực của chủ nghĩa xã hội.

Về động lực bên ngoài chính là ngoại lực để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cùng với phát huy các yếu tố nội lực, cần phát huy tốt cả động lực bên ngoài, đồng thời kết hợp bên trong lẫn bên ngoài để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong phát huy ngoại lực, cần coi trọng tăng cường đoàn kết quốc tế; kết hợp chủ nghĩa yêu nước gắn liền với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân. Bởi theo Người: “*Con đường tiến tới xã hội chủ nghĩa của các dân tộc là con đường chung của thời đại, của lịch sử, không ai ngăn cản nổi. Sự đoàn kết quốc tế của giai cấp vô sản, của các đảng*

cộng sản và công nhân, của các nước trong phe xã hội chủ nghĩa là mối tình sắt đá không gì lay chuyển nổi” [2;T11, tr.19]. Và thực tiễn cũng đã trả lời: “Hệ thống xã hội chủ nghĩa đã trở thành một lực lượng quyết định sự phát triển của xã hội loài người và thúc đẩy cả thế giới tiến lên theo con đường hòa bình, độc lập, dân chủ và xã hội chủ nghĩa. Với sự giúp đỡ tích cực của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, gần một nửa loài người đã thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc thực dân, và đã thành hơn 40 nhà nước độc lập” [2;T13, tr.492]. Quan điểm của Người cho thấy, bối cảnh quốc tế có vai trò quan trọng trong thực hiện mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, Người cũng nhấn mạnh vai trò của khoa học, kỹ thuật đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đó là: Những thành tựu khoa học đã đem lại lợi cho con người và thời đại những sức mạnh mới chưa từng có. Người nhận định: “Thế giới ngày nay đang tiến những bước khổng lồ về mặt kiến thức của con người. Khoa học tự nhiên cũng như khoa học xã hội không ngừng mở rộng ra những chân trời mới, con người ngày càng làm chủ được thiên nhiên, cũng như làm chủ được vận mệnh của xã hội và của bản thân mình” [2;T12, tr.104].

Bàn về mối quan hệ giữa nội lực và ngoại lực, Người xác định rất rõ nội lực là quyết định nhất, ngoại lực là rất quan trọng. Trong tư duy Hồ Chí Minh để tranh thủ sự giúp đỡ từ bên ngoài, trước hết phải chủ động tạo ra sức mạnh của chính mình. Người nhấn mạnh: “Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập” [2;T7, tr.445]. Đó là tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực cánh sinh là chính, nhưng luôn chú trọng tranh thủ sự giúp đỡ, hợp tác quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên cơ sở bảo đảm các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, chung sống hòa bình và phát triển.

Đồng thời, để phát huy những động lực phát triển của chủ nghĩa xã hội phải nhận diện để khắc phục những lực cản kìm hãm sự phát

triển, đó là hai mặt của một quá trình biện chứng trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Người nói: “Để tiến lên chủ nghĩa xã hội, cuộc đấu tranh phải lâu dài, gian khổ. Cần có người cách mạng là vì còn có kẻ địch chống lại cách mạng. Kẻ địch gồm có ba loại. Chủ nghĩa tư bản và bọn đế quốc là kẻ địch rất nguy hiểm. Thói quen và truyền thống lạc hậu cũng là kẻ địch to... Loại kẻ địch thứ ba là chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng tiểu tư sản còn ẩn nấp trong mỗi chúng ta. Nó chờ dịp - hoặc dịp thất bại, hoặc dịp thắng lợi - để ngóc đầu dậy. Nó là bạn đồng minh của hai kẻ địch kia” [2;T9, tr.287].

2. BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆC VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘNG LỰC CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀO THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐẤT NƯỚC HIỆN NAY

Hiện nay, sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam đang đi vào chiều sâu và đạt được những thành tựu to lớn. “Qua 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH, lý luận về đường lối đổi mới, về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta ngày càng được hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa. Chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới. Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay” [1;T1, tr.25]. Đất nước đã thoát khỏi khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế mạnh mẽ và sâu rộng. Trong suốt 35 năm qua, kinh tế Việt Nam đã đạt tốc độ tăng trưởng khá ấn tượng. Đổi mới kinh tế và chính trị từ năm 1986 đã thúc đẩy phát triển kinh tế, nhanh chóng đưa Việt Nam từ một trong những quốc gia nghèo nhất trên thế giới trở thành quốc gia thu nhập trung bình thấp. Nền kinh thị trường định hướng XHCN tiếp tục phát triển; kinh tế vĩ mô ổn định, vững chắc hơn, tốc độ tăng trưởng kinh tế duy trì ở

mức khá cao; quy mô và tiềm lực nền kinh tế tăng lên, chất lượng tăng trưởng kinh tế được cải thiện. Những kết quả đạt được trong phát huy các động lực của CNXH đã góp phần quan trọng vào thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế đất nước.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong quá trình thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế, Việt Nam đã phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, những yếu tố tích cực của tình hình quốc tế. Do vậy, hội nhập quốc tế và ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển có những bước tiến quan trọng về chủ trương, chính sách cũng như triển khai trên thực tiễn. Việt Nam là một trong những quốc gia có mức hội nhập kinh tế rất cao, khi cơ bản định hình mạng lưới gồm 17 Hiệp định thương mại tự do (FTA) và các khuôn khổ hợp tác kinh tế, thương mại với các trung tâm kinh tế hàng đầu. Điều này đã khẳng định được vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, cũng như ghi dấu mốc lịch sử quan trọng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế trong suốt thời gian qua. Hơn 35 năm đổi mới cũng là một chặng đường hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng trên nhiều cấp độ, đa dạng về hình thức, theo nguyên tắc và chuẩn mực của thị trường toàn cầu của Việt Nam. Việt Nam đã thiết lập được nhiều quan hệ đối tác chiến lược về kinh tế. Từ khi gia nhập WTO đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược, toàn diện với nhiều nước. Cho đến nay, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 189/193 quốc gia thành viên Liên Hợp Quốc, trong đó có quan hệ Đối tác chiến lược và Đối tác toàn diện với 30 nước. Đảng ta đã thiết lập quan hệ với 247 chính đảng ở 111 quốc gia. Quốc hội Việt Nam có quan hệ với quốc hội, nghị viện của hơn 140 nước. Việt Nam có quan hệ thương mại với trên 220 đối tác, 71 nước đã công nhận quy chế kinh tế thị trường đối với Việt Nam. Chúng ta đã ký kết và tham gia 15 hiệp định hiệp định thương mại tự do, trong đó có nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới [3].

Thực tiễn cho thấy, để đạt được mục tiêu phát triển kinh tế đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, nhiệm vụ cấp thiết có tính then chốt, nhất quán và lâu dài

là phải xây dựng nền kinh tế phát triển năng động, nhanh và bền vững, độc lập, tự chủ trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với nâng cao hiệu quả trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Vì vậy, để thúc đẩy sự phát triển kinh tế của đất nước với những mục tiêu chiến lược đã đặt ra thì việc xác định đúng và phát huy những động lực cơ bản có ý nghĩa rất quan trọng. Do vậy, Đại hội XIII của Đảng xác định: *“Động lực và nguồn lực phát triển quan trọng của đất nước là khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và nền văn hóa, con người Việt Nam; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất”* [1; T1, tr.34].

Sự nghiệp đổi mới đất nước diễn ra trong bối cảnh quốc tế đang trải qua những biến động to lớn, diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Trong bối cảnh đó, Đảng tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về động lực của chủ nghĩa xã hội vào thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế đất nước giai đoạn hiện nay.

** Bối cảnh quốc tế và những vấn đề đặt ra:* Bối cảnh tình hình quốc tế là một trong những yếu tố góp phần tạo ra động lực của quá trình xây dựng, phát triển đất nước. Từ bối cảnh của tình hình thế giới hiện nay, có thể thấy những vấn đề đặt ra đối với việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về động lực của chủ nghĩa xã hội vào thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế đất nước. Tình hình thế giới thời gian gần đây tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường. Một số đặc điểm chính đó là:

Hòa bình, hợp tác, liên kết để phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn tiếp tục gia tăng với nhiều hình thái đa dạng. Cùng với đó, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng gặp nhiều trở ngại, thách thức; chủ nghĩa dân túy, bảo hộ có xu hướng

tăng lên; sự điều chỉnh chính sách, quan hệ đối ngoại của các nước lớn trong khu vực và trên thế giới diễn biến khó lường. Tăng trưởng kinh tế thế giới và thương mại, đầu tư quốc tế có xu hướng giảm; nợ công toàn cầu tăng, rủi ro trên thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế gia tăng... Trước các xu hướng trên, Việt Nam cần tiếp tục vận dụng hiệu quả tư tưởng Hồ Chí Minh về động lực của chủ nghĩa xã hội trong phát huy vai trò của xu thế thời đại vào thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế đất nước. Đó là việc xây dựng đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại. Đặc biệt, việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, đảm bảo thực chất, hiệu quả là hết sức cần thiết để kinh tế Việt Nam phát triển nhanh, bền vững, từ đó nâng cao sức mạnh nội lực, xử lý hiệu quả các vấn đề nội tại và thách thức nổi lên, đồng thời nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Bên cạnh đó, những tác động tiêu cực do chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ đối với Việt Nam là không nhỏ, đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta cần có đường lối, chính sách phù hợp nhằm hạn chế những tác động tiêu cực trong quá trình xây dựng, phát triển đất nước, thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế nhanh, bền vững.

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn biến rất nhanh, tác động ngày càng sâu rộng và đa chiều trên phạm vi toàn cầu. Khoa học, công nghệ đang là một động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển không chỉ công nghiệp, sản xuất mà cả con người và xã hội. Quốc gia nào có được tiềm lực khoa học, công nghệ thì sẽ có tốc độ phát triển nhanh về mọi mặt, có điều kiện và cơ hội phát triển bền vững. Đặc biệt, công nghệ số phát triển mạnh mẽ, đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc. Sự tiến bộ vượt bậc của khoa học, công nghệ sẽ tiếp tục đạt tầm mức mới, thúc đẩy hội nhập kinh tế và đưa sự phát triển của xã hội loài người lên một trình độ cao hơn, các nền kinh tế tri thức xuất hiện phổ biến trên thế giới. Khoa học, công nghệ sẽ tạo điều

kiện phát triển vượt bậc nếu các nước có thể ứng dụng những thành tựu mới để phát triển kinh tế số, xã hội số. Nhưng sự phát triển quá nhanh chóng của khoa học, công nghệ cũng tạo ra nguy cơ tụt hậu, gia tăng khoảng cách phát triển, tạo ra nhiều thách thức xã hội lớn và đặt ra một thách thức lớn đối với các nước đang phát triển. Đối với Việt Nam, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã tạo ra cơ hội lớn, nhưng cũng là thách thức đặt ra hiện nay. Quá trình đổi mới đất nước đã tạo ra tiền đề quan trọng để Việt Nam tiếp cận, triển khai cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tuy nhiên, khi ứng dụng công nghệ số, sẽ dẫn đến sự thay đổi về mô hình sản xuất, văn hóa kinh doanh, mô hình tổ chức... điều này đòi hỏi các doanh nghiệp phải kịp thời xử lý, nhanh chóng thích ứng. Mặt khác, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao nhằm đáp ứng yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng đang là thách thức to lớn đối với Việt Nam hiện nay.

Phát triển bền vững đã và đang trở thành nhu cầu cấp bách và là xu thế tất yếu trong tiến trình phát triển của xã hội. Phát triển bền vững trở thành xu thế bao trùm trên thế giới; kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh đang là mô hình phát triển được sự lựa chọn của nhiều quốc gia. Tuy nhiên, quá trình phát triển bền vững cần có sự điều tiết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với bảo đảm an ninh xã hội và bảo vệ môi trường. Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên hợp quốc có ảnh hưởng lớn đến phương thức tăng trưởng, hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư trên thế giới. Chuyển dịch sang năng lượng tái tạo, năng lượng xanh sẽ là xu thế rõ nét hơn trong thời gian tới. Năm bắt xu thế này, trong những năm tới, kinh tế Việt Nam cần tiếp tục hướng tới mục tiêu phát triển bền vững như tinh thần Đại hội XIII (2021) chỉ rõ, Chiến lược phát triển tổng thể của đất nước là đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát triển nhanh và bền vững đất nước; bảo đảm gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó: Phát triển kinh tế, xã hội là nhiệm vụ trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên. Nhận thức, về phát

triển nhanh và bền vững của Việt Nam vừa có sự kế thừa nhận thức và xu hướng phát triển chung của thế giới vừa có sự vận dụng, bổ sung, phát triển phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Những vấn đề toàn cầu và các vấn đề an ninh phi truyền thống có tác động sâu rộng mang tính xuyên quốc gia, vừa là mối đe dọa cấp bách, vừa mang tính lâu dài. Hầu hết các vấn đề toàn cầu và an ninh phi truyền thống đều có sự tác động đan xen chặt chẽ với nhau, trong mọi mặt của đời sống quan hệ quốc tế. Các vấn đề toàn cầu và an ninh phi truyền thống không chỉ đe dọa đến an ninh quốc gia trong phạm vi một nước hoặc nhiều nước, mà còn đe dọa đến toàn thể nhân loại, đòi hỏi phải có sự nỗ lực hợp tác hành động của nhiều quốc gia để ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống. Vấn đề thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu gia tăng, sử dụng nguồn nước xuyên biên giới, nhất là nguồn nước sông Mê Kông, đặt ra nhiều thách thức lớn chưa từng có cho phát triển bền vững. Đặc biệt, biến đổi khí hậu toàn cầu hiện là thách thức an ninh phi truyền thống lớn nhất đối với thế giới, đe dọa trực tiếp đến sự tồn vong của nhân loại. Bên cạnh đó, vấn đề an ninh mạng cũng tác động đến hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội, phát sinh những xung đột mới với nhiều hệ lụy và bất ổn đối với các quốc gia. Đây là những thách thức lớn đặt ra đối với Việt Nam trong thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế nhanh, bền vững; đòi hỏi Đảng, Nhà nước và toàn dân phải nỗ lực, chung tay cùng thế giới trong đối phó với những khó khăn này.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương có vị trí trọng yếu trên thế giới, tiếp tục là động lực quan trọng của kinh tế toàn cầu, song tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định do cạnh tranh chiến lược, tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên. Mặc dù hòa bình, hợp tác vẫn là xu thế chủ đạo tại khu vực này, song cũng có nhiều diễn biến phức tạp, trong đó, mặc dù quan hệ kinh tế ngày càng phát triển và sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng tăng nhưng quan hệ chính trị

giữa các nước trong khu vực, đặc biệt là các cường quốc, vẫn chứa đựng nhiều nhân tố bất ổn định và những mâu thuẫn có thể bùng phát thành xung đột. Vấn đề tranh chấp biên giới, lãnh thổ nhất là tranh chấp biển, đảo trở nên phức tạp hơn, trở thành nguy cơ gây mất ổn định khu vực, ảnh hưởng tới việc duy trì hòa bình, ổn định, an ninh và an toàn hàng hải, đe dọa lợi ích chung của các nước trong và ngoài khu vực. Tình hình Biển Đông diễn biến phức tạp, khó lường, đe dọa nghiêm trọng đến nền hòa bình, ổn định, phát triển của khu vực và môi trường đầu tư phát triển. Việt Nam là cầu nối giữa vùng kinh tế biển và kinh tế lục địa ở châu Á. Tình hình khu vực châu Á - Thái Bình Dương tạo cơ hội để Việt Nam mở rộng quan hệ quốc tế và tận dụng nguồn lực từ bên ngoài vào thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế, góp phần nâng cao sức mạnh quốc gia. Tuy nhiên, những nhân tố bất ổn như tình hình Biển Đông đã và đang ảnh hưởng đến việc bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ biển và lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam.

KẾT LUẬN

Bối cảnh quốc tế hiện nay và dự báo trong những năm tới sẽ còn có những biến đổi phức tạp, nhanh chóng và khó lường như đánh giá tại Đại hội XIII của Đảng. Tình hình đó tiếp tục tác động trực tiếp đến quá trình hội nhập kinh tế, vừa tạo ra nhiều thời cơ, thuận lợi mới, vừa mang đến những khó khăn, thách thức lớn đối với nước ta, đòi hỏi cần phải bám sát, phân tích tình hình, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về động lực của chủ nghĩa xã hội vào phát huy các yếu tố của tình hình thế giới để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế đất nước. Đặc biệt, phải nắm bắt, dự báo được các xu hướng trong quan hệ quốc tế, khu vực cũng như xác định rõ mục tiêu, lợi ích, ý đồ chiến lược của các nước, nhất là các nước lớn đối với khu vực và Việt Nam, từ đó đề ra đường lối, chính sách, sách lược kịp thời, đảm bảo đạt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết, trước hết./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb CTQG ST, HN, 2021.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 7, 8,9,10,11,12,13, Nxb CTQG, Hà Nội, 2011.

3. <https://baohinhphu.vn/kinh-te-viet-nam-dang-tro-lai-quy-dao-tang-truong-nhanh>.